



# Sơ bộ về Tính Không của ý thức

ISSN: 2734-9195

14:30 09/12/2025

Trong Phật giáo, tính không không đồng nhất với “không có gì”, mà những giá trị trí tuệ xuất khởi từ kho tàng giáo lý nhà Phật đều đề cập tới “tính không” xoay quanh các hiện tượng có tính biến chứng biến thiên liên tục.

Tác giả: **Hoàng Lê Minh** - Đại học Luật - ĐHQGHN

**Tóm tắt:** Bài viết này nghiên cứu sơ bộ về tính không của ý thức, một luận đề bao quát rằng ý thức không mang bản chất cố định, mà chỉ xuất hiện khi nhiều yếu tố cùng hội đủ hoặc tồn tại song hành với nhiều hình thái phong phú khác.

Ý thức không phải một “thực thể” tồn tại sẵn, mà là quá trình hình thành từ cảm giác, ký ức, chú ý, hoàn cảnh và các điều kiện tâm sinh lý... Trong Phật giáo, **tính không** không đồng nhất với “không có gì”, mà những giá trị trí tuệ xuất khởi từ kho tàng giáo lý nhà Phật đều đề cập tới “tính không” xoay quanh các hiện tượng có tính biến chứng biến thiên liên tục.

Việc nghiên cứu tính không của ý thức giúp hiểu đúng bản chất tâm trí và mở ra hướng tiếp cận mới trong đời sống tu hành Phật đạo lẫn nghiên cứu khoa học.

**Từ khoá:** tính không, ý thức, Phật giáo

## 1. Cơ sở lý luận về tính không của ý thức

“...đối với một người chuyên học tính Không, thì phát biểu số không trong thế giới được nhìn như là cấu trúc của những con số, không khởi gây ngạc nhiên đầy hứng thú. Rồi từ đó tìm lại những hình ảnh quen thuộc tưởng chừng như khó tìm thấy, hay tưởng chừng như bị cố tình quên lãng, trong thế giới tư duy Phật giáo”[1].

Trích dẫn trên trong một nghiên cứu về thành tố nhận thức lẫn không tính đã gợi mở phần nào những nét vẽ định hình trong tiềm thức người học Phật, người suy ngẫm, tư duy về cái gọi là “tính không”, âu cũng chính là những người đang truy vấn, truy xét về căn nguyên nguồn cội bản thể sống của chính mình trên

đời này. Vốn dĩ 'Tự bản chất, mọi người đều muốn biết.' (Aristotle) hay "Sự sống có hạn mà cái biết thì vô cùng. đem cái hữu hạn đuổi theo cái vô cùng, nguy thay!" (Trang Tử), quả nhiên, Lão Trang hay Triết gia Hy Lạp đều đã trần trố, nghiền ngẫm về cái biết, cái bản chất, cái hữu hạn, cái vô hạn.

"*Tính không*", ở một bình diện nào đó đã ẩn hiện, ló rạng ra ngoài biên thuỳ tri kiến đơn thuần. "*Thay vì hiểu biết trên bề mặt của ngôn từ (tức là theo nghĩa đen) ta nên hiểu kinh như là những lời chỉ dẫn mới nắm bắt được những giá trị nội dung thông điệp của đức Phật (chân lý). Trong đề tựa cho bản dịch Trung Luận của La Thập ngài Tăng Duệ có nói, "Thực phi danh bất ngộ".*

Nghĩa là, một sự thể nếu không có tên gọi thì sự thể ấy không được biết đến mặc dầu sự thể và tên gọi của nó hoàn toàn khác nhau. Cái dụng của ngôn ngữ trong Kinh Luận không phải ở khả năng diễn đạt mà là ở khả năng chỉ dẫn. Ngoài ra, ngôn ngữ kinh điển còn có giá trị giải thoát, nghĩa là hàm chứa mục tiêu của sự truyền đạt. Phật dùng ngôn ngữ là để khai thị, giải minh thật tướng, chứ tự thể thật tướng Phật không bao giờ nói ra mà ta chỉ tìm thấy nơi sự im lặng cao thượng của Ngài"[2]. Vì lẽ đó, "*tính không*" dường như không có định nghĩa rường cột cố định bất biến, cũng hiển nhiên y như cái "*không*" vốn dĩ nằm trong nội hàm sẵn có.

Ta có thể luận giải thêm về "*tính không*" theo cách tiếp cận khoa học hiện đại, đặc biệt là trong kỷ nguyên số, kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. Fuzzy logic hay logic mờ là một phương pháp lập luận trong trí tuệ nhân tạo (AI) và khoa học máy tính, được phát triển bởi Lotfi Zadeh vào năm 1965. Với fuzzy logic, con người có thể xử lý và ra quyết định trong các tình huống không rõ ràng hoặc không chắc chắn, khác với logic cổ điển chỉ có hai trạng thái "*đúng*" (True) hoặc "*sai*" (False). Fuzzy Logic sử dụng các giá trị trung gian để mô phỏng cách con người suy nghĩ và đưa ra quyết định.

Rõ ràng, toán học hay khoa học tự nhiên thường được coi là địa giới của sự chuẩn chỉ, chính xác, chân lý, nay lại được chứng minh, nghiên cứu theo những định hướng mới có xác lập tính mơ hồ, đương nhiên, cái mơ hồ đó cũng thật logic, khoa học. Nội dung phương pháp luận này biểu diễn thông qua tính không bằng một phương trình cơ bản:  $[A = \text{không } A]$ . Giống như khi người Ấn độ tìm ra được con số zero (0) vì ai cũng biết con số 0 có đặc tính là  $[+0=-0]$ . Suy ra  $[A = \text{không } A]$ . Một ví dụ đời sống: Xếp sách vào trong chiếc hòm vừa đủ một nửa. Nói rằng cái hòm đầy có nghĩa là nửa hòm không và ngược lại nửa hòm không tức là nửa hòm đầy. Do đó, trên phương diện toán học ta có thể khái quát bằng phương trình sau:

*"nửa hòm đầy" = "nửa hòm không"  $\Rightarrow A = \text{không } A$*

*“Nhận thức chính xác về tính Không không thể hoàn toàn bằng vào những phân tích của tư tưởng, mà đòi hỏi một công trình thực chứng. Những luận thuyết về tính Không chỉ có giá trị như là những trang điểm cho tư tưởng mà thôi. Tất nhiên những luận thuyết như vậy sẽ không bao giờ chấm dứt.”* (Tuệ Sỹ). Tri thức giới hạn của con người đang được đặt trước vô vàn thử thách nghiệt ngã, sau khi triết học Phật giáo và vật lý hiện đại tiếp tục phô bày những hạn chế, mâu thuẫn của thực tại.

Cốt lõi của vấn đề nằm ở bình diện tri thức luận: làm thế nào ta có thể nhận thức và lãnh hội thực tại một cách mạch lạc, chặt chẽ? Các triết gia Phật giáo về tính không không những đã xây dựng cả một nền tảng của sự hiểu biết về thế giới bằng cách từ bỏ cách nhìn vạn vật như là những thực thể có tự tính và khách quan — một sự cảm dỗ có thâm căn cố đế — mà họ còn đem tuệ giác của mình vào trong từng giây phút của cuộc sống thường ngày[3].

Quay trở lại với thành tố *“ý thức”* đặt cạnh *“tính không”*, nên ghi nhớ rằng *“ý thức”* không phải đại diện độc tôn cho phương diện tinh thần của con người, nó được xếp ngang hàng với *“căn bản thức”* và *“năm thức đầu”*. *“Thức căn bản là A-đà-na thức (Adānavijñāna) hay A-lại-da thức (Ālayavijñāna) bởi vì nó là gốc rễ từ đó tất cả các thức thanh tịnh và nhiễm ô sinh khởi và hiển hiện.*

Cụm từ *‘y nơi’* trong Luận tụng có nghĩa là sáu chuyển thức (Năm thức và Ý thức) lấy thức căn bản này làm nền tảng và chỗ nương tựa chung và trực tiếp của chúng.”; *“‘Năm thức’ chỉ cho năm thức chuyển đầu tiên, tức là nhãn thức và các thức khác, được nói chung với nhau do chúng tương tự về phạm trù. Thực tế, chúng đều nương vào các căn vật chất; chúng đều nhận biết các đối tượng vật chất và thực tại một cách trực tiếp; và chúng đều có thể bị gián đoạn.”*[4]. Thực tiễn chứng minh, năm thức đầu không ổn định, các yếu tố chúng nương nhờ lại không hoàn toàn đủ đầy. Hơn hết, năm thức đầu không có khả năng hoạt động tri thức vì không sở hữu *“tâm”* và *“tứ”*, mọi thứ không thể tự sinh khởi mà phải dựa vào ý thức chỉ đạo.

Như vậy, việc hệ thống hóa các khái niệm nền tảng về tính không và ý thức cho thấy cả hai đều được nhìn nhận như những hiện tượng không mang tự tính cố định, luôn hình thành và biến đổi theo các điều kiện tương tác. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng để bước sang phần phân tích chuyên sâu, nhằm lý giải vì sao ý thức không phải một thực thể độc lập, mà là quá trình vận hành mang tính duyên khởi và phụ thuộc lẫn nhau giữa nhiều yếu tố tâm sinh lý và hoàn cảnh. Tính không của ý thức không phải là một luận điểm trừu tượng, mà là kết luận tất yếu từ nguyên lý duyên khởi: ý thức không tự tồn tại, không mang bản chất cố định, và luôn phụ thuộc vào cảm giác, ký ức, chú ý, môi trường,...



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

## 2. Những biểu hiện về tính không của ý thức

### 2.1. Một hình thái phát triển của nhận thức cơ bản

Đến nay khoa học đã có nhiều bước tiến trong nghiên cứu về thần kinh, ý thức, nhưng vấn đề nòng cốt ở chỗ sự sinh khởi ý thức từ phía não bộ như thế nào quả thật là bài toán khó có lời giải, như một bản khoăn mà David Chalmers đã đưa ra năm 1995[5]. *“Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất có trước và quyết định ý thức. Dù chúng ta chưa hiểu được hết quá trình phát sinh ý thức nhưng phần lớn các nhà khoa học đều thừa nhận ý thức là hệ quả từ các hoạt động vật lí và hoá học của vật chất nằm trong bộ não. **Chủ nghĩa duy tâm** cho rằng ý thức có trước và là nền tảng của thực tại. Thế giới bên ngoài và bản ngã là biểu diễn của tâm trí, có được là do các kinh nghiệm chủ quan mang lại. **Chủ nghĩa nhị nguyên** cho rằng vật chất và ý thức là hai thực thể tách rời tồn tại độc lập với nhau. Ở con người hai thực thể này kết hợp với nhau. Khi chết đi, vật chất tan rã nhưng ý thức vẫn có thể tồn tại[6]”*.

Trước hết, ý thức có thể được xem như một hình thái phát triển cao hơn của nhận thức cơ bản. Những tầng nhận thức sơ khai như phản xạ, cảm giác thô, phản ứng tự nhiên không có “cái tôi” điều khiển, và ý thức chỉ xuất hiện khi các tín hiệu đó được xử lý, phân loại, rồi gắn kết thành kinh nghiệm. Điều này cho thấy ý thức không phải bẩm sinh tồn tại như một bản ngã cố định, mà là kết

quả của quá trình tích lũy và tổ chức thông tin.

Thêm vào đó, hình thái phát triển này luôn thay đổi theo trình độ học hỏi, môi trường sống và mức độ rèn luyện tinh thần. Một người sau khi học kỹ năng mới sẽ có cách nhận thức khác với chính họ trước đó. Sự biến đổi liên tục này chính là dấu hiệu cho thấy ý thức vô thường và không có tự tính bất biến. Khi nhận ra rằng ý thức chỉ là một lớp vận hành được dựng lên từ nhiều thành tố, ta thấy rõ tính không: không có bản chất thật sự nào nằm đằng sau, chỉ có sự kết hợp của vô số điều kiện đang vận hành

## 2.2. Giác quan tiếp nhận thông tin

Vấn đề thông tin luôn gắn chặt với vấn đề nhận thức. Quá trình nhận thức, theo I. Kant, xuất phát từ kinh nghiệm cảm tính, thông qua giác tính và kết thúc ở lý tính. Ông tập trung khảo sát ba quan năng nhận thức đó, chứ không phải quá trình nhận thức. Đúng như G.W.F. Hegel nhận định, I. Kant đã quy lý luận nhận thức của ông thành học thuyết về các khả năng nhận thức, cụ thể là về kinh nghiệm cảm tính, giác tính và lý tính[7]. Điều này cũng nực cười chả khác gì người ta lê ra phải xuống cày ruộng thì chỉ biết có mỗi việc là khảo sát bản thân cái cày[8]. Có thể thấy, giác quan chính là những “cửa ô” để tăng cảm tính, lý tính, giác tính sàng lọc song song với bản năng ý thức đang tự phát.

Biểu hiện rõ nhất của tính không là: ý thức chỉ khởi lên khi giác quan tiếp nhận thông tin. Mắt thấy hình, tai nghe tiếng, mũi nhận mùi... nhưng bản thân ý thức không tự tạo ra đối tượng; nó chỉ phản chiếu những gì giác quan đưa vào. Khi không có dữ liệu giác quan, ý thức lặng xuống hoặc chuyển sang các trạng thái khác như mơ, tưởng tượng, hoặc nghỉ ngơi. Điều này cho thấy ý thức lệ thuộc hoàn toàn vào bên ngoài và không có một dạng tồn tại độc lập. Chỉ cần thay đổi một yếu tố: ánh sáng, âm thanh, trạng thái cơ thể thì nội dung ý thức liên biến đổi theo. Sự phụ thuộc này là nền tảng để khẳng định tính “không tự tính” của ý thức. Hơn nữa, giác quan không phản ánh thế giới một cách trung lập; chúng lọc, lựa chọn và diễn giải thông tin. Do đó, ý thức là kết quả của quá trình gán nghĩa, chứ không phải sự nhận biết “thuần túy”. Chính sự lệ thuộc này làm rõ rằng ý thức không có bản chất cố định, mà chỉ là dòng vận hành tùy duyên.

## 2.3. Hỉ, nộ, ái, ố khởi phát

Các sinh vật sống, nhờ hấp thụ năng lượng bên ngoài mà có entropy giảm. Các quá trình chống lại sự giảm của entropy được coi là mất trật tự và không được ưu tiên cho sự sống. Quá trình ủng hộ sự sống được gọi là tốt, là sung sướng, là đẹp. Các quá trình ngược lại được gọi là ác, là khổ, là xấu[9].



Ở bình diện tâm lý nhận thức, sự khởi phát của các cảm xúc như hỉ, nộ, ái, ố cho thấy rõ tính không có tự tính của ý thức. Cảm xúc không tồn tại như những thực thể độc lập hay thường hằng; chúng chỉ xuất hiện khi các điều kiện nội tại và ngoại tại đồng thời tác động lên chủ thể. Một kích thích bên ngoài, kết hợp với ký ức, khuynh hướng nhận thức, trạng thái sinh lý và hoàn cảnh xã hội, sẽ tạo nên cảm xúc cụ thể. Điều này phản ánh nguyên lý duyên khởi: không có yếu tố đơn lẻ nào đủ sức tạo nên cảm xúc, mà chỉ có sự tương tác của nhiều duyên mới khiến chúng sinh khởi. Sự sai biệt cảm xúc giữa các cá nhân trước cùng một sự kiện càng củng cố luận điểm này.

Cùng một lời nói, người này có thể sinh hỉ, người khác sinh nộ, người thứ ba lại không phản ứng gì. Điều đó cho thấy cảm xúc không mang bản chất khách quan, càng không phải tự ngã cảm xúc mà là hiện tượng được cấu thành bởi cấu trúc tâm lý và bối cảnh tiếp nhận. Khi các điều kiện thay đổi, cảm xúc cũng thay đổi hoặc chấm dứt hoàn toàn. Do đó, sự sinh diệt nhanh chóng ở từng sát na và tính phụ thuộc đa nhân tố của hỉ, nộ, ái, ố cho thấy tầng cảm xúc của ý thức không có tự tính cố định, mà chỉ là quá trình vận hành tùy duyên. Đây là minh chứng điển hình cho tính không của ý thức trong đời sống tinh thần.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa (sưu tầm).

### 3. Kết luận

Qua quá trình phân tích ở mức sơ bộ của tác giả, quán chiếu rằng tính không của ý thức không phải là một khái niệm siêu hình tách rời thực tại, mà là cách lý giải nhất quán về bản chất vận hành của tâm - trí - tính. Từ hình thái phát triển của nhận thức cơ bản, đến sự phụ thuộc vào giác quan trong việc tiếp nhận thông tin, đến sự sinh diệt của các cảm xúc như hỉ, nộ, ái, ố, ý thức luôn biểu

hiện là một hiện tượng không mang tự tính độc lập, chỉ hình thành khi nhiều điều kiện đồng thời hội tụ (đủ duyên).

Việc hiểu **ý thức** dưới luân lý tính không giúp ta thoát thai ra ngoài quan niệm về một “*ngã*” cố định đứng sau các trải nghiệm tinh thần, thay vào đó nhìn nhận con người như một tiến trình vận hành theo duyên khởi.

Nhận thức không chỉ có giá trị triết học mà còn mở ra hướng tiếp cận sâu hơn cho tâm lý học, phân tâm học, khoa học xã hội và các định hướng tu tập nhằm củng cố trí huệ và từ bi tâm.

Tác giả: **Hoàng Lê Minh** - Đại học Luật - ĐHQGHN

\*\*\*

### **Chú thích:**

[1] Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, Tìm hiểu Trung Luận - Nhận Thức Và Không Tánh, Nguyệt San Phật Học Louisville, KY – USA, 2001, Tr.09

[2] Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, Tìm hiểu Trung Luận - Nhận Thức Và Không Tánh, Nguyệt San Phật Học Louisville, KY – USA, 2001, Tr.18-19

[3] Đạt Lai Lạt Ma, Vũ trụ trong một nguyên tử, Trần Uyên Thi dịch, Nxb. Thế Giới, 2009, Tr.94

[4] Hộ Pháp (dharmapāla) và chín luận sư khác; Thành Duy Thức Luận (Dòng chảy Tâm thức); Huyền Trang soạn, dịch Sanskrit; Vi Đạt dịch Hán văn; Thích Nhuận Đức dịch Tiếng Việt, chú thích; Nxb. Dân Trí, 2025, Tr.468-469

[5] David Chalmers. Facing up to the problem of consciousness. J.Conciousness Stud., 2(3): 200-19, 1995.

[6] Nguyễn Hoàng Hải, Tính không của vạn vật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024, Tr.274

[7] Nguyễn Quang Hưng, Chủ nghĩa duy tâm Đức - Từ I.Kant tới G.W.F. Hegel, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025, Tr. 48

[8] Hegel G.W.F., Vorlesungen über die Geschichte der Philosophie, Band III. In: Hegel G.W.F., Werke in zwanzig Bänden, Theorie Werkausgabe Suhrkamp Verlag, Frankfurt am Mainz, 1975, S. 333-334.

[9] Nguyễn Hoàng Hải, Tính không của vạn vật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024, Tr.342

## **Tài liệu tham khảo:**

1. Hồng Dương Nguyễn Văn Hai, Tìm hiểu Trung Luận - Nhận Thức Và Không Tánh, Nguyệt San Phật Học Louisville, KY – USA, 2001, Tr.09-18-19
2. Đạt Lai Lạt Ma, Vũ trụ trong một nguyên tử, Trần Uyên Thi dịch, Nxb. Thế Giới, 2009, Tr.94
3. Hộ Pháp (dharmapāla) và chín luận sư khác; Thành Duy Thức Luận (Dòng chảy Tâm thức); Huyền Trang soạn, dịch Sanskrit; Vi Đạt dịch Hán văn; Thích Nhuận Đức dịch Tiếng Việt, chú thích; Nxb. Dân Trí, 2025, Tr.468-469
4. David Chalmers. Facing up to the problem of consciousness. J.Conciousness Stud., 2(3): 200-19, 1995.
5. Nguyễn Hoàng Hải, Tính không của vạn vật, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2024, Tr.274-342
6. Nguyễn Quang Hưng, Chủ nghĩa duy tâm Đức - Từ I.Kant tới G.W.F. Hegel, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2025, Tr. 48
7. Hegel G.W.F., Vorlessungen über die Geschichte der Philosophie, Band III. In: Hegel G.W.F., Werke in zwanzig Bänden, Theorie Werkausgabe Suhrkamp Verlag, Frankfurt am Mainz, 1975, S. 333-334